TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI** Số: 370/2023/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *P, ngày 11 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 537/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1998.

CCCD số 06419800356X, cấp ngày 04/5/2021.

Địa chỉ: Thôn X, xã Ia T, huyện Ia H, tỉnh Kon Tum.

- Anh Trương Bình M, sinh năm 1991.

CCCD số 06409100733X, cấp ngày 12/8/2021.

Địa chỉ: 11X W, phường Ia K, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 03/8/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trương Bình M kết hôn ngày 12/4/2018 tại Ủy ban nhân dân phường Ia K, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Chị Nguyễn Thị T và anh Trương Bình M thuận tình ly hôn.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Trương Bình M có một con chung là cháu Trương Tiểu D, sinh ngày 25/8/2017.

Các đương sự thỏa thuận thống nhất giao cháu Trương Tiểu D cho mẹ trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Mtự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho chị T để nuôi cháu D mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng), kể từ ngày 03/8/2023 cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh M tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị T và anh M tự nguyện chịu để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trương Bình M thống nhất thỏa thuận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Trương Bình M có một con chung là cháu Trương Tiểu D, sinh ngày 25/8/2017.

Các đương sự thỏa thuận thống nhất giao cháu Trương Tiểu D cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho chị T để nuôi cháu D mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng), kể từ ngày 03/8/2023 cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh M tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí: Tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng),* chị T, anh M tự nguyện chịu toàn bộ để sung vào Ngân sách Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo

biên lai số 0001078 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Chị T và anh M đã nộp đủ tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố P;
- THADS thành phố P;
- UBND phường Ia K, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Giấy CNKH số 39, ngày 12/4/2018);
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

THẨM PHÁN

Hoàng Văn Tiến